TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH G
Bản án số: 02/2022/DS-ST
Ngày: 27/01/2022
"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƠỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH G

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Xuân H**.
Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị C**
Bà **Nguyễn Thị Ch**

Thư ký phiên tòa: Ông **Vũ Đức Q** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh G.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh G tham gia phiên tòa: Ông **Võ Ngọc A** - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 01 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh G xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 258/2020/TLST-DS ngày 30 ngày 12 tháng 2020, về "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2021/QĐXXST-DS ngày 28/12/2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 01/2021/QĐST-DS ngày 28/12/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng NN**
Địa chỉ: 02 L, quận B, Thành phố H.
Đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn Th - Chức vụ: Tổng giám đốc Ngân hàng NN.
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Anh T - Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng NN - Chi nhánh huyện Đ Đông G. Địa chỉ: 199 Nguyễn Huệ, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh G.
Ông Tuấn ủy quyền cho ông Nguyễn Tấn D - Chức vụ: Phó giám đốc Ngân hàng NN - Chi nhánh huyện Đ Đông G tham gia tố tụng. Có mặt.

Bị đơn: Ông **Trần Văn Th**, sinh năm 1971 và bà **Trơương Thị H**, sinh năm 1977. Địa chỉ: Tổ dân phố 2, thị trấn Đ, huyện Đ, G. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn Ngân hàng NN trình bày:

Ngày 17/01/2019, bà Trương Thị H và ông Trần Văn Th ký kết Hợp đồng tín dụng số 016/HĐTD để vay số tiền 900.000.000 đồng (Bằng chữ: Chín trăm triệu đồng) của Ngân hàng NN - Chi nhánh huyện Đ Đông G; Mục đích vay vốn: Cải tạo hệ thống tưới,

sửa nhà kho, xây tường rào, làm sân phơi, thuê đất sản xuất; Lãi suất cho vay tại thời điểm ký kết hợp đồng là: 11%/năm; Thời hạn vay: 36 tháng.

Để bảo đảm khoản vay này, ông Th và bà H đã thế chấp tài sản bằng Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 0135/HĐTC ngày 18/01/2017 và phụ lục sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 01/PLHĐTC ngày 17/01/2019. Tài sản thế chấp gồm có:

- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của thửa đất số 195, tờ bản đồ số 59, địa chỉ tại: Thôn C, xã K (Nay là xã H), huyện Đ,tỉnh G; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 412518 do Ủy ban nhân dân huyện Đ tỉnh G cấp ngày 24/05/2013 cho ông Đặng Ái K và bà Trần Thị Mai H; chuyển nhượng toàn bộ cho ông Trần Văn Th và bà Trương Thị H ngày 28/01/2016.

- Quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất của thửa đất số 19, tờ bản đồ số 59, địa chỉ tại: xã K (Nay là xã H), huyện Đ,tỉnh G; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 048629 do Ủy ban nhân dân huyện Đ tỉnh G cấp ngày 27/12/2000 cho hộ ông Trần Văn B; chuyển nhượng toàn bộ cho ông Trần Văn Th và bà Trương Thị H ngày 13/7/2016.

- Quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất của thửa đất số 193, tờ bản đồ số 59, địa chỉ tại: Thôn C, xã K (Nay là xã H), huyện Đ,tỉnh G; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 815433 do Ủy ban nhân dân huyện Đ tỉnh G cấp ngày 06/10/2008 cho hộ ông Nguyễn Cao C và bà Phạm Thị Bích L; chuyển nhượng toàn bộ cho ông Trần Văn Th và bà Trương Thị H ngày 05/01/2017.

Ngày 12/04/2019, bà Trương Thị H và ông Trần Văn Th tiếp tục ký kết Hợp đồng tín dụng số 5012LAV201901152 để vay số tiền 800.000.000 đồng (Bằng chữ: Tám trăm triệu đồng) của Ngân hàng NN - Chi nhánh huyện Đ Đông G; Mục đích vay vốn: Cải tạo hệ thống tưới, sửa nhà kho, làm sân phơi, tường rào; Lãi suất cho vay tại thời điểm ký kết hợp đồng là: 12%/năm; Thời hạn vay: 36 tháng.

Để bảo đảm khoản vay này, ông Th và bà H đã thế chấp tài sản bằng Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 183/HĐTC ngày 19/4/2018 và Phụ lục sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 01/PLHĐTC ngày 12/4/2019. Tài sản thế chấp gồm:

- Quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất của thửa đất số 37 và 192, tờ bản đồ số 59, địa chỉ tại: xã K (Nay là xã H), huyện Đ,tỉnh G; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 048955 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 27/12/2000 cho hộ ông Trần Văn Th; đã được điều chỉnh chủ sử dụng đất là ông Trần Văn Th và bà Trương Thị H vào ngày 31/3/2017.

Quá trình thực hiện các hợp đồng vay, bà Trương Thị H và ông Trần Văn Th không thực hiện nghĩa vụ trả nợ lãi và gốc đúng hạn theo kỳ hạn đã cam kết trong các hợp đồng mặc dù nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu. Do ông Th và bà H vi phạm hợp đồng nên Ngân hàng NN yêu cầu Tòa án Nhân dân Huyện Đ giải quyết buộc bà Trương Thị H và ông Trần Văn Th phải trả nợ cho Ngân hàng NN số tiền gốc và lãi còn nợ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp ông Th và bà H không thanh toán toàn bộ khoản nợ cho nguyên đơn trong thời hạn nêu trên, nguyên đơn có quyền đề nghị Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản của bị đơn đã thế chấp tại các Hợp đồng thế chấp đã ký kết để thu hồi nợ.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ việc niêm yết các văn bản tố tụng để triệu tập bị đơn đến tham gia tố tụng nhưng bị đơn không có mặt vì vậy hồ sơ vụ án không có lời trình bày của ông Trần Văn Th và bà Trương Thị H.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán; Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn tổng số tiền là 2.079.206.850 đồng. Trường hợp bị đơn không thực hiện trả nợ được thì nguyên đơn có quyền yêu cầu phát mãi tài sản của bị đơn đã thế chấp để thu hồi nợ; Về chi phí đăng tin nguyên đơn phải chịu; Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và án phí dân sự sơ thẩm bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Toà án đã tiến tống đạt và niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng đối với bị đơn là ông Trần Văn Th và bà Trương Thị H nhưng ông Th, bà H không đến Toà án để tham gia tố tụng, không đến tham gia phiên tòa, tự từ bỏ quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Th và bà H.

[2] Về nội dung:

Ngày 17/01/2019, bà Trương Thị H và ông Trần Văn Th ký kết Hợp đồng tín dụng số 016/HĐTD để vay số tiền 900.000.000 đồng (Chín trăm triệu đồng) của Ngân hàng NN - Chi nhánh huyện Đ Đông G; Mục đích vay vốn: Cải tạo hệ thống tưới, sửa nhà kho, xây tường rào, làm sân phơi, thuê đất sản xuất; Lãi suất cho vay tại thời điểm ký kết hợp đồng là: 11%/năm; Thời hạn vay: 36 tháng. Để bảo đảm khoản vay này, ông Th và bà H

đã thế chấp tài sản bằng Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 0135/HĐTC ngày 18/01/2017 và phụ lục sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 01/PLHĐTC ngày 17/01/2019. Tài sản thế chấp gồm có:

- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của thửa đất số 195, tờ bản đồ số 59, địa chỉ tại: Thôn C, xã K (Nay là xã H), huyện Đ,tỉnh G; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 412518 do Ủy ban nhân dân huyện Đ tỉnh G cấp ngày 24/05/2013 cho ông Đặng Ái K và bà Trần Thị Mai H; chuyển nhượng toàn bộ cho ông Trần Văn Th và bà Trương Thị H ngày 28/01/2016.

- Quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất của thửa đất số 19, tờ bản đồ số 59, địa chỉ tại: xã K (Nay là xã H), huyện Đ,tỉnh G; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 048629 do Ủy ban nhân dân huyện Đ tỉnh G cấp ngày 27/12/2000 cho hộ ông Trần Văn B; chuyển nhượng toàn bộ cho ông Trần Văn Th và bà Trương Thị H ngày 13/7/2016.

- Quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất của thửa đất số 193, tờ bản đồ số 59, địa chỉ tại: Thôn C, xã K (Nay là xã H), huyện Đ,tỉnh G; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 815433 do Ủy ban nhân dân huyện Đ tỉnh G cấp ngày 06/10/2008 cho hộ ông Nguyễn Cao C và bà Phạm Thị Bích L; chuyển nhượng toàn bộ cho ông Trần Văn Th và bà Trương Thị H ngày 05/01/2017.

Ngày 12/04/2019, bà Trương Thị H và ông Trần Văn Th tiếp tục ký kết Hợp đồng tín dụng số 5012LAV201901152 để vay số tiền 800.000.000 đồng (Tám trăm triệu đồng) của Ngân hàng NN - Chi nhánh huyện Đ Đông G; Mục đích vay vốn: Cải tạo hệ thống tưới, sửa nhà kho, làm sân phơi, tường rào; Lãi suất cho vay tại thời điểm ký kết hợp đồng là: 12%/năm; Thời hạn vay: 36 tháng. Để bảo đảm khoản vay này, ông Th và bà H đã thế chấp tài sản bằng Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 183/HĐTC ngày 19/4/2018 và Phụ lục sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 01/PLHĐTC ngày 12/4/2019. Tài sản thế chấp gồm:

- Quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất của thửa đất số 37 và 192, tờ bản đồ số 59, địa chỉ tại: xã K (Nay là xã H), huyện Đ,tỉnh G; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 048955 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 27/12/2000 cho hộ ông Trần Văn Th; đã được điều chỉnh chủ sử dụng đất là ông Trần Văn Th và bà Trương Thị H vào ngày 31/3/2017.

Các Hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa các bên là tự nguyện, phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự, Luật các tổ chức tín dụng nên hợp pháp. Các Hợp đồng thế chấp nêu trên đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật nên có hiệu lực pháp luật.

Quá trình thực hiện các hợp đồng vay, bà Trương Thị H và ông Trần Văn Th không thực hiện nghĩa vụ trả nợ lãi và gốc đúng hạn theo kỳ hạn đã cam kết trong các hợp đồng mặc dù nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu.

Do ông Th và bà H vi phạm hợp đồng nên Ngân hàng NN yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đ giải quyết buộc bà Trương Thị H và ông Trần Văn Th phải trả nợ cho Ngân hàng NN số tiền còn nợ tổng cộng là 2.079.206.850 đồng; trường hợp ông Th và bà H không thanh toán toàn bộ khoản nợ cho nguyên đơn thì nguyên đơn có quyền đề nghị Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản của bị đơn đã thế chấp để thu hồi nợ là có căn cứ, đúng pháp luật, được chấp nhận.

[3] Về chi phí đăng tin: Chi phí đăng tin do nguyên đơn yêu cầu đăng tin nên nguyên đơn phải chịu chi phí này.

[4] Về chí phí xem xét thẩm định tại chỗ: Tổng số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 5.000.000 đồng. Nguyên đơn đã nộp đủ nên buộc bị đơn phải trả lại cho nguyên đơn số tiền này.

[5] Về án phí: Đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 30, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các Điều 317, 318, 319, 320, 322, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự;

- Các Điều 90, 91, Điều 94, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 1 Thông tư 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận.

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng NN.

Buộc ông Trần Văn Th và bà Trương Thị H phải trả cho Ngân hàng NN tổng số tiền 2.079.206.850 đồng *(Hai tỉ không trăm bảy mươi chín triệu hai trăm lẻ sáu ngàn tám trăm năm mươi đồng)*.

Trong đó:

Đối với Hợp đồng vay số 016/HĐTD ngày 17/01/2019: Số tiền gốc phải trả là 900.000.000 đồng và số tiền lãi phải trả là 193.078.631 đồng.

Đối với Hợp đồng vay số 5012LAV201901152 ngày 12/4/2019: Số tiền gốc phải trả là 800.000.000 đồng và số tiền lãi phải trả là 186.128.219 đồng.

Việc tính lãi và cả lãi suất nợ quá hạn đối với các khoản vay của tổ chức tín dụng phải theo đúng hợp đồng đã ký kết kể từ khi giao dịch cho đến khi thanh toán hết các khoản nợ gốc và lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng. Khi tính lãi chỉ tính lãi của số tiền nợ gốc còn phải thi hành án mà không tính lãi của số tiền lãi chưa trả trong quá trình thi hành án.

Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Đối với trường hợp khoản tiền phải thu nộp vào ngân sách Nhà nước mà pháp luật có quy định nghĩa vụ trả lãi; hoặc khoản tiền bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng; hoặc trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ về tài sản trong hoặc ngoài hợp đồng khác mà các bên không thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp ông Trần Văn Th và bà Trương Thị H không trả được nợ gốc và nợ lãi nêu trên thì Ngân hàng NN có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mại tài sản thế chấp theo các Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất để thu hồi nợ. Cụ thể:

Đối với Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 0135/HĐTC ngày 18 tháng 01 năm 2017 và phụ lục sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 01/PLHĐTC ngày 17 tháng 01 năm 2019 thì tài sản thế chấp gồm:

- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của thửa đất số 195, tờ bản đồ số 59, địa chỉ tại: Thôn C, xã K (Nay là xã H), huyện Đ,tỉnh G; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 412518 do Ủy ban nhân dân huyện Đ tỉnh G cấp ngày 24/05/2013 cho ông Đặng Ái K và bà Trần Thị Mai H; chuyển nhượng toàn bộ cho ông Trần Văn Th và bà Trương Thị H ngày 28/01/2016.

- Quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất của thửa đất số 19, tờ bản đồ số 59, địa chỉ tại: xã K (Nay là xã H), huyện Đ,tỉnh G; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 048629 do Ủy ban nhân dân huyện Đ tỉnh G cấp ngày 27/12/2000 cho hộ ông Trần Văn B; chuyển nhượng toàn bộ cho ông Trần Văn Th và bà Trương Thị H ngày 13/7/2016.

- Quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất của thửa đất số 193, tờ bản đồ số 59, địa chỉ tại: Thôn C, xã K (Nay là xã H), huyện Đ,tỉnh G; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 815433 do Ủy ban nhân dân huyện Đ tỉnh G cấp ngày 06/10/2008 cho hộ ông Nguyễn Cao C và bà Phạm Thị Bích L; chuyển nhượng toàn bộ cho ông Trần Văn Th và bà Trương Thị H ngày 05/01/2017.

Đối với Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 183/HĐTC ngày 19 tháng 04 năm 2018 và phụ lục sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 01/PLHĐTC ngày 12 tháng 04 năm 2019 thì tài sản thế chấp gồm:

- Quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất của thửa đất số 37 và 192, tờ bản đồ số 59, địa chỉ tại: xã K (Nay là xã H), huyện Đ,tỉnh G; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 048955 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 27/12/2000 cho hộ ông Trần Văn Th; đã được điều chỉnh chủ sử dụng đất là ông Trần Văn Th và bà Trương Thị H vào ngày 31/3/2017.

2. Về chi phí đăng tin: Chi phí đăng tin là 3.000.000 đồng *(Ba triệu đồng)*. Ngân hàng NN phải chịu chi phí này, đã nộp đủ.

3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Tổng số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 5.000.000 đồng. Ngyên đơn đã nộp đủ số tiền này. Buộc bị đơn ông Trần Văn Th và bà Trương Thị H phải trả lại cho Ngân hàng NN số tiền 5.000.000 đồng *(Năm triệu đồng*).

4. Về án phí:

- Buộc ông Trần Văn Th và bà Trương Thị H phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là 73.584.138 đồng *(Bảy mươi ba triệu năm trăm tám mươi bốn ngàn một trăm ba mươi tám đồng)*.

- Hoàn trả lại cho Ngân hàng NN số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 33.763.438 đồng *(Ba mươi ba triệu bảy trăm sáu mươi ba ngàn bốn trăm ba mươi tám đồng)* theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0000769 ngày 29/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh G.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (27/01/2022), nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án; Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn nêu trên kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh G
- VKSND huyện Đ
- Chi cục THADS Đ
- Các đương sự
- Lưu HS, AV, VT

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Xuân H